

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN L
TỈNH HẬU GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2023/DS-ST
Ngày: 29 - 3 - 2023
“V/v Tranh chấp hợp đồng dân sự -
vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN L, TỈNH HẬU GIANG**

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Ngọc Thới Phần.

Các Hội Thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Ngọc Anh.
2. Bà Đoàn Thị Kim Quyên.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Phụng, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Hậu Giang.

Ngày 29 tháng 3 năm 2023 tại Phòng xét xử - Tòa án nhân dân huyện L xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 106/2022/TLST-DS ngày 18 tháng 10 năm 2022 về việc “Tranh chấp hợp đồng dân sự - vay tài sản”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 17/2023/QĐXXST-DS, ngày 13 tháng 3 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Phan Quốc T (Út M), sinh năm: 1976 (có mặt)

Địa chỉ: Ấp 2, xã X, huyện L, tỉnh Hậu Giang.

Người đại diện theo uỷ quyền: Bà Lê Thị Nh, sinh năm: 1998 (có mặt)

Địa chỉ: Ấp 3, xã X, huyện L, tỉnh Hậu Giang.

(Văn bản uỷ quyền ngày 12/9/2022)

- Bị đơn: Ông Nguyễn Phước Tr. (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp 5, xã L, huyện L, tỉnh Hậu Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn ông Phan Quốc T – người đại diện theo uỷ quyền chị Lê Thị Nh (gọi tắt là chị Nh) trình bày:

Do quen biết nhau nên vào ngày 25/11/2020 âm lịch ông Phan Quốc T có cho ông Nguyễn Phước Tr vay số tiền 120.000.000 đồng, lãi hai bên thoả thuận là 5%/tháng, ông Nguyễn Phước Tr có làm biên nhận với ông Phan Quốc T. Theo thoả thuận trong biên nhận thì ông Nguyễn Phước Tr sẽ trả số tiền vốn là 15.000.000 đồng và đóng lãi trong thời hạn 15 ngày sau khi nhận tiền, sau đó sẽ trả vốn và lãi dần hàng tháng cho đến khi hết nợ. Tuy nhiên sau khi ông Nguyễn Phước Tr nhận đủ tiền thì ông Nguyễn Phước Tr không trả vốn và lãi như thoả thuận, ông Phan Quốc T có nhiều lần yêu cầu ông Nguyễn Phước Tr trả nợ nhưng ông Nguyễn Phước Tr cố tình hứa hẹn mà không trả.

Nay ông Phan Quốc T khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn Phước Tr trả lại số tiền vốn còn nợ là 120.000.000 đồng và yêu cầu tiền lãi từ ngày 25/11/2020 (âm lịch) nhằm ngày 07/01/2021 dương lịch đến ngày xét xử sơ thẩm là ngày 29/3/2023 với mức lãi suất theo quy định của pháp luật là 10%/năm.

Đối với bị đơn ông Nguyễn Phước Tr trong quá trình giải quyết vụ án Toà án có tiến hành triệu tập hợp lệ ông Nguyễn Phước Tr để lấy lời khai, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hoà giải nhưng ông Nguyễn Phước Tr không đến dự nên Toà án không ghi nhận được lời trình bày của ông Nguyễn Phước Tr đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên toà, bị đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và không có yêu cầu gì thêm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Hội đồng xét xử căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa để phân tích, đánh giá và nhận định về những chứng cứ, những tình tiết của vụ án:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

[1.1]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Nguyên đơn ông Phan Quốc T khởi kiện yêu cầu bị đơn Nguyễn Phước Tr trả lại số tiền vay còn nợ là 120.000.000 đồng và yêu cầu tiền lãi từ ngày nhận nợ đến nay. Căn cứ theo quy định tại Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự thì quan hệ pháp luật trong vụ án này là “Tranh chấp hợp đồng dân sự - vay tài sản” được Bộ luật dân sự điều chỉnh. Bị đơn ông Nguyễn Phước Tr có địa chỉ cư trú tại ấp 5, xã L, huyện L, tỉnh Hậu Giang nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Hậu Giang theo quy định tại Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2]. Về sự vắng mặt của người tham gia tố tụng: Bị đơn ông Nguyễn Phước Tr đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa xét xử nhiều lần nhưng vắng

mặt không có lý do nên hội đồng xét xử áp dụng Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt đối với ông Nguyễn Phước Tr nhưng vẫn đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của ông Trung theo quy định của pháp luật.

[2]. *Về nội dung vụ án*: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Phan Quốc T, hội đồng xét xử thấy rằng:

[2.1]. Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình, nguyên đơn ông Phan Quốc T có cung cấp cho Tòa án 01 tờ giấy tay “Biên nhận nợ tiền” ghi ngày 25 tháng 11 năm 2020 thể hiện ông Nguyễn Phước Tr có nhờ ông Phan Quốc T vay tiền dùm với số tiền vốn là 120.000.000 đồng để làm vốn kinh doanh. Bên dưới biên nhận có chữ ký ông Nguyễn Phước Tr. Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành triệu tập hợp lệ bị đơn ông Nguyễn Phước Tr nhiều lần để có ý kiến liên quan đến yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và Biên nhận nợ tiền lập ngày 25/11/2020 âm lịch nhưng bị đơn vắng mặt không có lý do. Do đó Hội đồng xét xử căn cứ theo khoản 4 Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 quy định: *“Đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh mà không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ thì Tòa án giải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ việc”*. Vì vậy, Hội đồng xét xử có căn cứ xác định việc vay tiền giữa bị đơn và nguyên đơn là có thật và Biên nhận nợ tiền lập ngày 25/11/2020 âm lịch do nguyên đơn cung cấp là chứng cứ để giải quyết vụ án.

Theo quy định tại Điều 463 Bộ luật dân sự năm 2015 quy định *“Hợp đồng vay tài sản là sự thỏa thuận giữa các bên, theo đó bên cho vay giao tài sản cho bên vay; khi đến hạn trả, bên vay phải hoàn trả cho bên cho vay tài sản cùng loại theo đúng số lượng, chất lượng và chỉ phải trả lãi nếu có thỏa thuận hoặc pháp luật có quy định.”*. Ông Nguyễn Phước Tr đã vay tiền của ông Phan Quốc T nhưng không thực hiện nghĩa vụ trả tiền cho ông Phan Quốc T là làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp của ông Phan Quốc T. Vì vậy việc nguyên đơn ông Phan Quốc T khởi kiện yêu cầu bị đơn ông Nguyễn Quốc T có trách nhiệm trả số tiền vay còn nợ là 120.000.000 đồng đồng là có căn cứ được hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.2]. Xét yêu cầu tính lãi suất của ông Phan Quốc T, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Căn cứ theo Biên nhận nợ tiền lập ngày 25/11/2020 thể hiện bị đơn ông Nguyễn Phước Tr sẽ thanh toán trước 20.000.000 đồng và đóng lãi trong thời hạn 15 ngày sau, số tiền còn lại 100.000.000 đồng bị đơn sẽ đóng lãi hàng tháng. Trong biên nhận các bên có thỏa thuận việc trả lãi suất nhưng không thể hiện rõ mức lãi suất là bao nhiêu, do đó Hội đồng xét xử căn cứ theo Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng

dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm và Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 có cơ sở chấp nhận yêu cầu tính lãi suất theo quy định của pháp luật của nguyên đơn ông Phan Quốc T là 10%/năm, tương đương 0.83%/tháng trên tổng số tiền thực hiện nghĩa vụ là 120.000.000 đồng tính từ ngày 25/11/2020 âm lịch nhằm ngày 07/01/2021 dương lịch.

Thời gian chậm trả lãi từ ngày nhận tiền là ngày 25/11/2020 âm lịch nhằm ngày 07/01/2021 dương lịch đến ngày xét xử sơ thẩm là ngày 29/3/2023 là 02 năm 02 tháng 22 ngày, mức lãi suất được áp dụng là 10%/năm tương đương 0.83%/tháng. Vốn gốc là 120.000.000 đồng x 0.83 %/tháng x 02 năm 02 tháng 22 ngày = 26.626.400 đồng (hai mươi sáu triệu sáu trăm hai mươi sáu nghìn bốn trăm đồng).

Như vậy tổng số tiền vốn và lãi mà bị đơn có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn là 146.626.400 đồng (một trăm bốn mươi sáu triệu sáu trăm hai mươi sáu nghìn bốn trăm đồng).

[2.3]. Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện đòi tiền vay của nguyên đơn đối với bị đơn. Buộc bị đơn có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn số tiền hui tổng cộng vốn và lãi là 146.626.400 đồng (một trăm bốn mươi sáu triệu sáu trăm hai mươi sáu nghìn bốn trăm đồng).

[3]. Án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Buộc bị đơn ông Nguyễn Phước Tr phải nộp án phí có giá ngạch theo quy định của pháp luật trên tổng số tiền phải thực hiện nghĩa vụ là 146.626.400 đồng x 5% = 7.331.320 đồng (bảy triệu ba trăm ba mươi một nghìn ba trăm hai mươi đồng). Nguyên đơn được nhận lại tiền án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 26; Điều 35; Điều 39; Điều 91; Điều 227; Điều 228; Điều 147; Điều 273 và Điều 278 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Áp dụng:

Điều 463, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015;

Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Toà án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc đòi lại tiền vay của nguyên đơn ông Phan Quốc T đối với bị đơn ông Nguyễn Phước Tr.

2. Buộc bị đơn ông Nguyễn Phước Tr có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn ông Nguyễn Quốc T tổng số tiền là 146.626.400 đồng (một trăm bốn mươi sáu triệu sáu trăm hai mươi sáu nghìn bốn trăm đồng). Trong đó, tiền vốn là 120.000.000 đồng (một trăm hai mươi triệu đồng), tiền lãi là 26.626.400 đồng (hai mươi sáu triệu sáu trăm hai mươi sáu nghìn bốn trăm đồng).

3. Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền nợ gốc còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Buộc bị đơn ông Nguyễn Phước Tr phải nộp số tiền án phí là 7.331.320 đồng (bảy triệu ba trăm ba mươi một nghìn ba trăm hai mươi đồng).

Nguyên đơn ông Phan Quốc T được nhận lại số tiền án phí đã nộp là 4.002.000 đồng (bốn triệu không trăm lẻ hai nghìn đồng) theo lai thu số 0006530 lập ngày 18/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện L, tỉnh Hậu Giang.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

6. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 29/3/2023), đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà không có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Hậu Giang;
- VKSND H. L;
- THADS H. L;
- Lưu HS.

Trần Ngọc Thới Phần